

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đơn giá cây giống lâm nghiệp phục vụ các chương trình,
dự án phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính

phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 09 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Thực hiện Quyết định số 1206/QĐ-BNN-TCLN ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật gieo ươm, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 96/TTr-SNNPTNT ngày 11 tháng 4 năm 2024; Báo cáo thẩm định số 1011/BC-STP ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phê duyệt đơn giá cây giống lâm nghiệp phục vụ các chương trình, dự án phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi chung là đơn giá cây giống lâm nghiệp) thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước, nguồn kinh phí trồng rừng thay thế và nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan Nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc tham gia việc sản xuất, kinh doanh, cung ứng cây giống lâm nghiệp theo quy định pháp luật để thực hiện các chương trình, dự án phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Đơn giá cây giống lâm nghiệp

Số TT	Loài cây	Tuổi cây (tháng)	Đường kính cổ rễ tối thiểu (cm)	Chiều cao tối thiểu (m)	Kích thước túi bầu (cm)	Đơn giá (đồng/cây)
1	Mắm	12	0,5	0,5	16 x 22	13.519
2	Đân	12	1,0	0,4	16 x 22	14.046
3	Phi lao	6	0,5	0,8	16 x 22	7.268
		12	1,0	1,2	16 x 22	10.059
4	Thanh Thất	6	0,5	0,4	16 x 22	7.379
		12	0,7	0,6	16 x 22	10.169
5	Neem (Xoan chịu hạn)	6	0,6	0,5	16 x 22	7.215
		12	0,6	0,7	16 x 22	10.006
6	Cóc hành	6	0,6	0,5	16 x 22	7.259
		12	0,7	0,7	16 x 22	10.050
7	Muồng đen	6	0,6	0,4	16 x 22	7.245
		12	0,8	0,6	16 x 22	10.036
8	Trôm	6	0,6	0,5	16 x 22	7.325
9	Điều	6	0,6	0,5	16 x 22	7.649
10	Xà cừ	12	0,8	0,7	16 x 22	10.038
11	Thông 3 lá	6	0,6	0,2	8 x 15	3.502
12	Sao đen	6	0,5	0,3	16 x 22	7.398
		12	0,6	0,8	16 x 22	10.187
13	Dầu	6	0,6	0,4	16 x 22	7.646
		12	0,8	0,8	16 x 22	10.435
14	Lim đá	6	0,5	0,4	16 x 22	7.466
		12	0,7	0,4	16 x 22	10.258

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng và điều chỉnh đơn giá cây giống lâm nghiệp

1. Đơn giá cây giống lâm nghiệp quy định tại Điều 3 Quyết định này làm cơ sở để các cơ quan Nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng, xây dựng, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán các công trình lâm sinh; sản xuất, gieo tạo, kinh doanh, cung ứng; kiểm tra, nghiệm thu cây giống lâm nghiệp đạt chất lượng xuất vườn để thực hiện các chương trình, dự án phát triển

rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Trường hợp đơn giá cây giống không điều chỉnh, quy định tại Điều 3 Quyết định này thì thực hiện đơn giá cây giống lâm nghiệp được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Các giống, nguồn giống cây trồng lâm nghiệp quy định tại Điều 3 của Quyết định này phải thực hiện theo quy định pháp luật về giống cây trồng, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định hiện hành.

3. Đơn giá cây giống lâm nghiệp được xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có quy định mới của cấp có thẩm quyền ban hành hoặc khi có yếu tố giá cả và các yếu tố khác hình thành đơn giá cây giống lâm nghiệp có sự thay đổi, biến động làm tăng hoặc giảm trên 10% so với đơn giá cây giống lâm nghiệp quy định hiện hành liên tục trong thời gian sáu (06) tháng trở lên.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quyết định này.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra chất lượng giống, nguồn giống cây trồng lâm nghiệp phù hợp với điều kiện của địa phương theo đúng quy định pháp luật về giống cây trồng và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hiện hành. Đối với giống của loài cây trồng lâm nghiệp chính chỉ đưa vào trồng rừng các giống, nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận; theo tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn cơ sở về giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định.

c) Tham mưu kế hoạch trồng rừng hàng năm, thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán các công trình lâm sinh thuộc các chương trình, dự án phát triển rừng trên địa bàn tỉnh, trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo đúng quy định; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu chất lượng giống, nguồn giống cây giống lâm nghiệp xuất vườn theo quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan để thực hiện các chương trình, dự án phát triển rừng trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan:

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát các đơn vị được giao kinh phí thực hiện trồng rừng trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, hiệu quả, thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đơn giá cây giống lâm nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện đơn giá cây giống lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đúng

theo quy định tại Quyết định này.

b) Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đơn giá cây giống lâm nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Sở, ngành và đơn vị liên quan

Trong phạm vi chức năng quản lý Nhà nước trên địa bàn, theo ngành, lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành theo đúng quy định.

4. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này

a) Tổ chức thực hiện đúng đơn giá giống cây lâm nghiệp được quy định tại Quyết định này và chịu trách nhiệm về chất lượng giống, nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định pháp luật về giống cây trồng, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành lâm nghiệp về chất lượng giống, nguồn giống cây lâm nghiệp xuất vườn theo quy định tại Quyết định này và theo quy định pháp luật về giống cây trồng, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024 và thay thế Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây giống lâm nghiệp để phục vụ các chương trình, dự án phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TCD, VXNV, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH. HC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Hoàng